

BÀI GIẢNG

GIAO TIẾP SƯ PHẠM

Giao tiếp là điều kiện tồn tại của con người. Cùng với hoạt động, giao tiếp là yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển của mỗi cá nhân. Nhờ tham gia vào hoạt động giao tiếp mà các đặc trưng xã hội của con người được hình thành, cá nhân lĩnh hội được những kinh nghiệm xã hội lịch sử, chuyên hoá thành những kinh nghiệm riêng của cá nhân, thành phẩm chất và năng lực của chính mình để tham gia vào đời sống xã hội. Giao tiếp là mặt đặc trưng nhất trong hành vi của con người, nó không những là điều kiện quan trọng bậc nhất của sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách mà còn đảm bảo cho con người đạt được năng suất, chất lượng và hiệu quả trong mọi lĩnh vực hoạt động. Để lĩnh hội những tri thức đời thường, không thể thiếu được sự giao tiếp giữa con người với con người và để lĩnh hội những tri thức khoa học thì càng cần có giao tiếp giữa nhân cách này với nhân cách khác, đặc biệt là giao tiếp trong quá trình giáo dục. Đối với hoạt động giáo dục, giao tiếp là điều kiện, phương tiện, nội dung của quá trình giáo dục học sinh. Thực tế đã chứng minh rằng: giao tiếp trong môi trường giáo dục giữa thầy và trò, giữa nhà giáo dục và người được giáo dục, giúp cho cá nhân có thể lĩnh hội được những tri thức cần thiết bang con đường nhanh nhất, trong khoảng thời gian ngắn nhất và đỡ tốn kém nhất, tạo điều kiện tối ưu nhất cho sự hình thành và sự phát triển nhân cách. Đối với nghề sư phạm, giao tiếp không những có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách người giáo viên mà còn là một bộ phận cấu thành hoạt động sư phạm, là thành phần chủ đạo trong cấu trúc năng lực sư phạm của người giáo viên. Giao tiếp là phương thức, công cụ cơ bản nhất để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục. Nếu không có giao tiếp thì không thể hướng hoạt động sư phạm của thầy và trò vào việc đạt được các mục đích giáo dục. Do đó, vấn đề đặt ra đối với nhiệm vụ đào

tạo nghề sư phạm là mỗi sinh viên phải được chuẩn bị và chủ động tự chuẩn bị cho mình về năng lực giao tiếp sư phạm.

BÀI 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP SƯ PHẠM

*** Mục tiêu:**

Hoàn thành bài học này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Trình bày được vai trò, nguyên tắc và các giai đoạn trong quá trình giao tiếp sư phạm.

- Kỹ năng: Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp sư phạm trong xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động, linh hoạt áp dụng các nguyên tắc giao tiếp sư phạm vào giải quyết các tình huống giao tiếp sư phạm.

1.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm

1.1.1. Khái niệm

Trong cuộc sống, xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với người khác là nhu cầu không thể thiếu được của con người. Một người bình thường không thể sống thiếu quan hệ với người khác, nhất là khi có những nhu cầu riêng tư muốn được thỏa mãn qua việc trao đổi tâm tư, ảnh hưởng lẫn nhau. Sự thành công trong sự nghiệp, hạnh phúc gia đình, tình bạn sâu sắc, đắm chìm trong cuộc sống đời thường...tất cả đều tùy thuộc vào việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ của chúng ta với người khác.

Vậy, giao tiếp là gì?

Giao tiếp là hoạt động xác lập, vận hành các mối quan hệ giữa con người với con người, nhằm thỏa mãn những nhu cầu nhất định.

Giao tiếp là khía cạnh đặc biệt nhất, là tiềm năng thể hiện niềm hân hoan, sự vui thích, hứng thú đối với việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tạo ra sự bình yên trong tâm hồn, thúc đẩy mỗi người tự hoàn thiện mình trong mối quan hệ với người khác.

Hoạt động sư phạm trong nhà trường bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục. Hai hoạt động này gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và đều nhằm mục đích chung là hình thành nhân cách người học theo mục tiêu của cấp học. Trong hoạt động sư phạm luôn luôn diễn ra sự tương tác qua lại giữa người dạy (giáo viên, giảng viên) và người học (học sinh, sinh viên). Quá trình dạy học và giáo dục cũng như lĩnh hội tri thức đều diễn ra trong mối quan hệ giao tiếp giữa thầy và trò. Giao tiếp giữa con người với con người trong hoạt động sư phạm được gọi là giao tiếp sư phạm. Nói cách khác, giao tiếp sư phạm diễn ra như điều kiện của hoạt động sư phạm.

Vậy giao tiếp sư phạm là gì ? *Giao tiếp sư phạm là giao tiếp có tính chất nghề nghiệp giữa người dạy (giáo viên, giảng viên) và người học (học sinh, sinh viên) diễn ra trong hoạt động sư phạm nhằm tạo bầu không khí tâm lý thuận lợi cho việc tiếp thu tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và hình thành nhân cách người học.* Nói cách khác, *Giao tiếp sư phạm là giao tiếp có tính chất nghề nghiệp giữa người dạy với người học nhằm tạo điều kiện tối ưu cho quan hệ giữa người dạy với người học để đạt được mục đích giáo dục đặt ra.*

Giao tiếp sư phạm là một thành phần của hoạt động sư phạm, là phương thức để nhà giáo dục thực hiện chức năng của mình. Hoạt động sư phạm diễn ra chủ yếu trong nhà trường nên giao tiếp sư phạm cũng diễn ra chủ yếu trong nhà trường. Các hoạt động ngoài nhà trường cũng nhằm mục đích giáo dục người học nhưng tỷ trọng không lớn bằng các hoạt động trong nhà trường. Do đó, chúng ta chủ yếu phân tích giao tiếp sư phạm với tư cách là hoạt động diễn ra trong nhà trường.

Các hoạt động diễn ra trong nhà trường chính là các hoạt động dạy học và giáo dục. Người dạy tổ chức các hoạt động để người học lĩnh hội các tri thức, kỹ năng kỹ xảo và hình thành những phẩm chất tâm lý cần thiết đủ để đáp ứng được các yêu cầu của xã hội . Như vậy, giao tiếp sư phạm là điều kiện để thực hiện hoạt động cùng

nhau của người dạy và người học. Nếu không có giao tiếp giữa người dạy và người học thì không có hoạt động sư phạm.

Trong dạy học hiện đại, người học không tiếp thu một cách thụ động những gì người dạy muốn truyền đạt mà họ là chủ thể tích cực, chủ động của sự lĩnh hội. Người dạy tổ chức, điều khiển, người học chủ động học tập và rèn luyện. Do đó, hoạt động dạy học diễn ra trên nền giao tiếp sư phạm-một hoạt động mà cả hai đều là chủ thể tác động qua lại.

Trong xã hội, hoạt động của người dạy và của người học có cùng một mục đích-đó là nhằm hình thành nhân cách người học. Mỗi quan hệ qua lại giữa người dạy và người học là một dạng đặc biệt của những mối quan hệ giữa con người với con người, bắt nguồn từ tính chất đặc biệt của sự hoạt động phối hợp giữa thầy và trò. Mối quan hệ này được biểu hiện và biến đổi trong quá trình dạy học và giáo dục. Nó vừa là tiền đề vừa là kết quả của hoạt động sư phạm

Quan hệ thầy trò tạo nên cái nền cảm xúc qui định mọi hoạt động diễn ra trong giờ học. Nó có thể làm tăng hay giảm sự căng thẳng tâm lý của người học. Những tâm trạng, cảm xúc được người học thể nghiệm trong giờ học có ảnh hưởng mạnh đến kết quả học tập nói riêng và sự phát triển nhân cách nói chung của họ.

Trong những năm gần đây, chúng ta quan tâm nhiều đến các thiết bị kỹ thuật trong dạy học, đến việc hoàn thiện các phương pháp dạy học. Điều đó là hết sức cần thiết và rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường. Tuy nhiên, nếu thiếu sự sẵn sàng về mặt đạo đức và cảm xúc của học người học đối với việc học tập thì các phương pháp và phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất cũng không thể đem lại những kết quả như mong đợi. Bởi vì, bất kỳ trong nội dung môn học nào cũng đều có khả năng đem lại cho người học những hài lòng, ngạc nhiên, vui mừng... nhưng mức độ hấp dẫn của môn học luôn phụ thuộc vào thái độ của người học đối với người dạy môn đó.

Mối quan hệ thầy- trò trong hoạt động sư phạm sẽ có xu hướng ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến chất lượng giáo dục. Mối quan hệ thầy – trò tốt đẹp sẽ giúp người học thuận lợi trong việc hình thành nhân cách đúng đắn. Mối quan hệ thầy- trò không thuận lợi sẽ gây khó khăn cho quá trình giáo dục, làm cản trở đến việc hình thành nhân cách của người học. Trong quá trình giao tiếp, thái độ của người dạy đối với người học sẽ ảnh hưởng tới thái độ của người học đối với người dạy. Sự hiểu biết lẫn nhau giữa người dạy và người học trong quá trình dạy học và giáo dục ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sư phạm.

Mối quan hệ thầy- trò không chỉ ảnh hưởng đến người học mà còn ảnh hưởng đến chính người dạy nữa. Nhiều công trình nghiên cứu tâm lý học đã chứng minh: Mức độ hài lòng của người dạy đối với công việc của mình, thái độ của họ đối với nghề dạy học, nguyện vọng được hoàn thiện tay nghề đều phụ thuộc vào tính chất mối quan hệ qua lại của họ với người học. Không thể hình dung được một người thầy giỏi mà lại không hình thành được những mối quan hệ tốt đẹp với học trò. Hình thức thể hiện mối quan hệ thầy –trò rất phong phú, đa dạng nhưng bản chất chân chính của mối quan hệ đó luôn luôn là một: đó là thái độ tin yêu, tôn trọng và yêu cầu cao đối với nhau.

2.2. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm

Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là hệ thống những quan điểm nhận thức chỉ đạo, định hướng hệ thống thái độ và hành vi ứng xử của người dạy đối với người học và ngược lại.

Nguyên tắc giao tiếp sư phạm mang tính chất bền vững, ổn định, chỉ đạo định hướng, điều chỉnh các phản ứng hành vi của người dạy và người học trong quan hệ thầy –trò. “ Dĩ bất biến, ứng vạn biến”- nguyên tắc là không thay đổi nhưng khi ứng xử phải thay đổi, mềm dẻo cho phù hợp với tình huống, hoàn cảnh.

Nguyên tắc giao tiếp sư phạm thể hiện đạo lý trong quan hệ giữa con người với con người nói chung và giữa người dạy và người học nói riêng. Đồng thời, nguyên tắc giao tiếp sư phạm cũng thể hiện đặc trưng và yêu cầu của hoạt động sư phạm để đảm bảo cho hoạt động sư phạm đạt được mục đích và hiệu quả mong muốn.

Mức độ quán triệt và thực hiện các nguyên tắc này phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm của người thầy, những thói quen và phong tục tập quán của từng vùng miền nơi hoạt động sư phạm diễn ra. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm cũng dựa trên nền tảng tư tưởng “tất cả vì học sinh thân yêu”; “Tất cả vì sự tiến bộ của thế hệ trẻ”. Chúng ta có thể tìm hiểu một số nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp sư phạm sau đây.

2.2.1. Nhân cách mẫu mực trong giao tiếp sư phạm

Tại sao khi giao tiếp với trò, người thầy phải luôn thể hiện là một nhân cách mẫu mực? Có thể thấy người thầy phải tuân thủ nguyên tắc này vì hai lí do sau:

Thứ nhất, người thầy hàng ngày tiếp xúc với trò, mọi hành vi, cử chỉ, cách nói năng... của thầy dù muốn hay không đều trực tiếp tác động tới nhận thức của trò. Học trò, nhất là trò nhỏ tuổi dễ bắt chước cả cái hay và cái dở của thầy. Ví dụ: Thầy là người năng động, tích cực, tác phong nhanh nhẹn, đúng giờ, đúng hẹn... thì học trò lớp thầy dạy dễ có tác phong và các nét tính cách như vậy. Ngược lại, thầy tác phong chậm chạp, luôn không đúng hẹn, không đúng giờ giấc...thì phần lớn học trò thầy dạy cũng sẽ như thế. Thầy thường là tấm gương trực tiếp cho trò noi theo. Trong quá trình làm nghề dạy học, mỗi một người thầy ảnh hưởng không chỉ một vài thế hệ mà tác động đến rất nhiều thế hệ học trò. Những tác động của thầy chỉ cần “sai một ly” có thể “đi hàng ngàn dặm”. Do đó trong cuộc sống nói chung và trong giao tiếp sư phạm nói riêng người thầy luôn phải là người mẫu mực

Thứ hai, nhà trường là một trung tâm văn hóa lớn mà người thầy là linh hồn, là điểm sáng văn hóa của nhà trường. Mọi người trong xã hội nhìn vào nhà trường,

nhìn vào người thầy như những tấm gương sáng để noi theo và yêu cầu người thầy phải mẫu mực, xứng đáng để họ tin tưởng khi gửi gắm con em vào nhà trường.

Nhân cách mẫu mực trong giao tiếp được biểu hiện ở những điểm cụ thể sau:

Trước hết, đó là sự mẫu mực về trang phục, hành vi cử chỉ, cách nói năng... tất cả đều đáp ứng yêu cầu của hành vi giao tiếp có văn hóa. Trong giao tiếp, người thầy cần có lời nói và cử chỉ đảm bảo tính sư phạm trong mọi lúc, mọi nơi, mọi hoạt động. Nói cách khác, người thầy khi nói năng phải mạch lạc, rõ ràng, cử chỉ đĩnh đạc, đàng hoàng, tự tin.... Trong bất kỳ trường hợp nào, ăn mặc đều phải sạch sẽ, chỉnh tề, phù hợp với dáng người, màu da, khuôn mặt không chỉ về kích thước mà còn về cả màu sắc,kiểu dáng...

Thứ hai, người thầy luôn có thái độ và những biểu hiện thái độ qua hành vi phù hợp với nhau. Chẳng hạn, khi trách phạt trò thì phải có giọng nói dứt khoát, ánh mắt phải nghiêm nghị ...Ngược lại, khi khen ngợi trò thì nét mặt rạng rỡ, ánh mắt tươi cười, giọng nói nhẹ nhàng hoặc sôi nổi...Thầy không nên thể hiện sự mâu thuẫn giữa thái độ và hành vi khi tiếp xúc với trò. Lời nói và việc làm của người thầy phải luôn thống nhất với nhau, không có mâu thuẫn để trò không bị lúng túng trong khi tiếp nhận. Luôn luôn thể hiện thái độ tôn trọng và quý mến trò.

Thứ ba, khi sử dụng ngôn ngữ, cần chọn từ ngữ phù hợp với tình huống, nội dung và đối tượng giao tiếp. Người thầy nên sử dụng ngôn ngữ tích cực trong giao tiếp sư phạm nghĩa là lựa chọn những từ ngữ có tính chất động viên, khích lệ nhiều hơn, không nên sử dụng những từ có tính chất thoái mạ, vùi dập học trò. Trong những tình huống khó xử phải khoan dung và nhân hậu; Trong những tình huống nhạy cảm phải tế nhị, khéo léo; Trong những tình huống khó khăn phải bình tĩnh, sáng suốt...

2.2.2. Tôn trọng nhân cách người học

Tôn trọng nhân cách người học trong giao tiếp sư phạm được hiểu là người dạy luôn coi người học là một con người với đầy đủ các quyền : quyền được học tập, vui chơi, được bảo vệ...với những đặc trưng tâm lý riêng như cá tính, khả năng nhận thức, hoàn cảnh riêng...

Trong xã hội, mỗi một người chúng ta đều có một thân phận (Fation). Trước xã hội chúng ta đều bình đẳng như nhau. Tôn trọng nhân cách người học tức là tôn trọng sự bình đẳng về mọi mặt của con người với tư cách là một cá nhân. Người học có thể ít tuổi hơn người dạy nhưng họ có đầy đủ các quyền bình đẳng với mọi người trong các quan hệ.

Tôn trọng nhân cách người học cũng có nghĩa không nhận xét người học một cách tùy tiện, không phán xét người học khi chưa có đầy đủ các thông tin cần thiết.

Tôn trọng nhân cách người học được thể hiện rất phong phú, đa dạng ở các tình huống đa dạng khác nhau. Tuy nhiên, tôn trọng nhân cách người học được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, luôn lắng nghe người học, khuyến khích người học trình bày được những nhu cầu, nguyện vọng, hiểu biết của mình. Trong giao tiếp sư phạm, không nên ngắt lời người học bằng các cử chỉ, điệu bộ tỏ ra không chăm chú hay không muốn nghe người học nói như nhìn đồng hồ, phủi tay, hoặc ngoảnh mặt đi chỗ khác với vẻ mặt khó chịu...Người học dù ít tuổi hay nhiều tuổi thì trong giao tiếp sư phạm vẫn là vai dưới nên người dạy cần có thái độ khích lệ, gợi ý, động viên... để người học diễn đạt được hết và đúng những suy nghĩ, tình cảm của mình trên cơ sở đó người dạy mới có được những tác động giáo dục có hiệu quả.

Thứ hai, người dạy biết thể hiện những biểu cảm của mình một cách chân thành, trung thực. Người dạy cần có thái độ chân thành, khích lệ người học nói và chia sẻ những gì họ nói ra. Sự chân thành, trung thực, tế nhị của người dạy trong giao tiếp cũng là một điều kiện quan trọng để tạo nên uy tín của người thầy.

Thứ ba, trong bất kỳ tình huống nào cũng không nên dùng những từ ngữ, cử chỉ...xúc phạm đến nhân cách người học. Khi người học mắc lỗi, người dạy cần phải nhắc nhở, khuyên bảo, thậm chí cần tỏ rất nghiêm khắc để giáo dục người học nhưng mọi từ ngữ, cử chỉ... được sử dụng chỉ để nói về sự kiện đó, tình huống đó chứ không được thoái mạ, xúc phạm nhân cách người học. Ví dụ: khi học sinh mắc lỗi, chúng ta có thể hỏi: “Hôm nay em đi học muộn”, “Em chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp” ... không nên nói: “Đồ vô tích sự, hôm nào cũng đi học muộn”, “Đồ dốt nát, lười biếng, tôi dạy học bài gì rồi mà cũng không chịu học, có loại học sinh nào như anh không?”...

Thứ ba, hành vi, cử chỉ, điệu bộ.... trong giao tiếp luôn giữ ở trạng thái cân bằng, thể hiện sự khoan hòa. Người dạy cần tránh những cử chỉ, hành vi bột phát, ngẫu nhiên khi giao tiếp với người học.

Thứ tư, khi tiếp xúc với người học, dù ở tình huống nào cũng phải có trang phục phù hợp với nội dung và hoàn cảnh giao tiếp. Không nhất thiết ăn mặc quá sang trọng, cầu kỳ nhưng phải đảm bảo lịch sự, gọn gàng, sạch sẽ, phù hợp với tính cách của mình...

2.2.3. Có thiện chí trong giao tiếp

Thiện chí trong giao tiếp sư phạm là người dạy dành những điều kiện thuận lợi, những tình cảm tốt đẹp cho người học, khuyến khích người học học tập tốt, rèn luyện tốt, đem lại niềm vui cho người học khi đến trường.

Thiện chí trong giao tiếp sư phạm biểu hiện rất phong phú, rất sinh động. Tuy nhiên có thể thấy rõ ở những biểu hiện sau đây:

Thứ nhất, chuẩn bị kỹ bài giảng với mong muốn người học nắm được bài một cách tốt nhất. Người thầy là người” biết mười, dạy một “ tức là những điều người dạy được chuẩn bị giảng cho người học chỉ là phần kiến thức rất ít so với vốn hiểu biết trong hành trang của họ. Vì vậy khi soạn bài, người dạy cần đặt mình vào vị trí

người học để hình dung người học sẽ lĩnh hội với mức độ khó, dễ như thế nào. Khó hay dễ là so với người học lần đầu tiên tiếp xúc với tri thức, khái niệm đó chứ không phải khó, dễ so với người dạy. Nói cách khác, khi soạn bài, người dạy phải hướng đến người học, phải đặt mình vào vị trí người học lần đầu tiên tiếp xúc với tri thức đó để giúp người học hiểu bài chính xác và thuận lợi nhất. Đồng thời, khi có thiện chí người dạy sẽ chọn lọc được những tri thức hiện đại, phù hợp nhất trang bị cho người học để giúp họ vươn lên và luôn vui mừng vì sự tiến bộ của người học.

Thứ hai, luôn khách quan, công bằng trong nhận xét, đánh giá đồng thời đánh giá mang tính chất động viên, khuyến khích người học để khích lệ họ cố gắng vươn lên. Thiện chí chính là tạo niềm tin cho người học vào sự khách quan công bằng của người dạy đối với người học, tạo quan hệ tốt đẹp giữa người dạy và người học. Người học dù nhỏ tuổi hay nhiều tuổi đều mong được người dạy đánh giá mình một cách công bằng. Công bằng, khách quan trong đánh giá là một phẩm chất quan trọng tạo nên uy tín thực sự của người thầy.

Thứ ba, luôn tin tưởng vào người học. Người dạy có thiện chí là luôn tin tưởng vào những điều tốt đẹp trong người học, tin vào sự tiến bộ vươn lên của họ. Người dạy luôn có cái nhìn phát triển, không định kiến, không thành kiến với người học. Người dạy luôn hiểu người học là những chủ thể tích cực, đang phát triển, có những cái riêng cần được tôn trọng để họ có thể phát triển nhân cách một cách tốt nhất. Sự tin tưởng của người thầy rất có ý nghĩa đối với việc hình thành nhân cách của trò.

Thứ tư, thiện chí còn được thể hiện trong sự khéo léo đối xử với người học (còn gọi là khéo léo đối xử sư phạm). Có nhiều tình huống khó xử nhưng với thiện chí, người dạy có thể giải quyết ôn hòa vì người học tin vào sự công minh của người dạy. Có thiện chí thì người dạy khi xử lý các mối quan hệ sẽ không thành kiến. Khi người học có sai sót trong học tập hoặc trong rèn luyện, người dạy có thể trách phạt hoặc cho điểm thấp. Nhưng với thiện chí mong muốn học sinh mình vươn lên thì họ không bao giờ thành kiến với những sai sót trước đây của người học

2.2.4. Đồng cảm trong giao tiếp

Đồng cảm trong giao tiếp sư phạm là người dạy biết đặt mình vào vị trí của người học để suy nghĩ, cảm xúc giống như người học. Từ đó có cách ứng xử phù hợp với đặc điểm tâm lý của người học, có biện pháp giáo dục phù hợp với yêu cầu giáo dục và đặc điểm người học.

Đồng cảm trong giao tiếp sư phạm tạo ra sự gần gũi, thân mật giữa người dạy và người học. Từ đó tạo ra bầu không khí tâm lý chân thành, thoải mái trong hoạt động sư phạm. Đồng cảm là cơ sở hình thành mọi hành vi ứng xử nhân hậu, khoan dung của người dạy với người học. Nhờ có sự đồng cảm mà người dạy có cách hành xử phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, mong muốn của người học.

Sự đồng cảm trong giao tiếp sư phạm giữ một vai trò quan trọng, giúp cho người dạy hiểu người học và cảm hóa được người học. Đây chính là một phương pháp giáo dục rất hiệu quả trong hoạt động sư phạm. Ngược lại, nếu không có sự đồng cảm, tác dụng của giáo dục sẽ bị giảm đi, thậm chí có thể phản tác dụng giáo dục

Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm luôn thống nhất và tác động qua lại với nhau trong quá trình giải quyết các tình huống giao tiếp cụ thể. Thực hiện tốt các nguyên tắc này trong quá trình giao tiếp với người học, người dạy sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục của mình.

3. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm

Giao tiếp sư phạm như một quá trình sáng tạo, bao gồm một số giai đoạn nhất định:

3.1. Mô hình hoá quá trình giao tiếp trong khi chuẩn bị cho hoạt động với học sinh

Đây là giai đoạn đầu của quá trình giao tiếp sư phạm, ở đây, giáo viên phải mô hình hoá hoạt động giao tiếp phù hợp với:

- 1) Mục đích, nhiệm vụ giáo dục;

- 2) Tình huống sư phạm, tình huống tâm lí - đạo đức trong lớp, nhóm học sinh;
- 3) Đặc điểm cá nhân của chính giáo viên;
- 4) Đặc điểm học sinh;

5) Hệ thống các phương pháp dạy học, giáo dục định sử dụng. Những yếu tố này không chỉ tác động đến mặt nội dung của giáo dục mà còn tạo ra sự thống nhất xúc cảm giữa giáo viên và học sinh - yếu tố giúp giáo viên dự đoán được bầu không khí có thể xuất hiện trong lớp học, cảm nhận được mức độ của các mối quan hệ qua lại và trên cơ sở đó quyết định nội dung, phương pháp tiến hành giờ học.

3.2. Tổ chức giao tiếp trực tiếp với học sinh

Giai đoạn hai khởi đầu cho sự tương tác giữa giáo viên và học sinh. Nó bao hàm các yếu tố: 1) Cụ thể hoá môi hình giao tiếp đã xây dựng; 2) Chính xác hoá điều kiện và cấu trúc quá trình giao tiếp sẽ thực hiện; 3) Thực hiện sự tiếp xúc đầu tiên với học sinh. Trong những giây tiếp xúc đầu liên, giáo viên phải nắm bắt được tâm trạng chung của học sinh, xác định được khả năng làm việc của lớp học.

3.3. Tiến hành giao tiếp trong các hoạt động giáo dục (giờ học, tham quan...) Ở giai đoạn ba, điều quan trọng nhất là phải đạt được sự phù hợp giữa phương pháp giáo dục, dạy học và hệ thống giao tiếp, ở đây giao tiếp sư phạm phải đảm bảo được một số yêu cầu về mặt tâm lí - xã hội:

- 1) Xây dựng sự tiếp xúc tâm lí bảo đảm việc truyền đạt và tiếp nhận thông tin;
- 2) Sử dụng hệ thống các tác động tâm lí (các yếu tố của trò chuyện, cách đặt câu hỏi, cách tạo tình huống kích thích tư duy), logic trong việc triển khai các sự kiện, trong khái quát, cứ liệu giàu hình ảnh, đặc trưng;
- 3) Xây dựng tình huống tư duy tập thể (ví dụ: cách dạy học nêu vấn đề);

4) Chỉ đạo hoạt động nhận thức của học sinh, ở đây, phong cách giao tiếp đóng vai trò hết sức quan trọng, nó tác động tới tính sẵn sàng tiếp nhận tri thức ở học sinh, phá vỡ rào cản tâm lí, tạo điều kiện xác lập các mối quan hệ;

5) Sự thống nhất giữa các yếu tố công việc và cá nhân trong giao tiếp bảo đảm không chỉ việc trao đổi thông tin mà còn cả sự bộc lộ nhân cách người thầy - điều rất quan trọng trong giáo dục;

6) Hệ thống quan hệ thầy trò được xây dựng một cách có hướng bảo đảm sự sẵn sàng giao tiếp với thầy và tiếp nhận bộ môn do thầy giảng dạy, hoạt hoá những năng lực tâm lí - xã hội trong việc hình thành động cơ học tập của học sinh.

3.4. Phân tích quá trình giao tiếp vừa thực hiện, mô hình hoá hoạt động giao tiếp tiếp theo

Đây là giai đoạn cuối của quá trình giao tiếp sư phạm. Trong giai đoạn này, giáo viên phân tích hệ thống giao tiếp đã thực hiện, chính xác hoá và chi tiết hoá các cách thức tổ chức giao tiếp, xây dựng một mô hình giao tiếp mới. Việc phân tích các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm cho thấy: những khiếm khuyết trong giao tiếp của một số sinh viên sư phạm (không biết triển khai quá trình giao tiếp, không vạch ra được chương trình giao tiếp, mất bình tĩnh khi giao tiếp...) có nguồn gốc cả ở việc chưa nắm được lí thuyết cũng như thiếu hụt trong thực hành giao tiếp. Cũng từ phân tích trên có thể thấy, để có được năng lực giao tiếp sư phạm, người giáo viên tương lai một mặt phải nghiên cứu, nắm bắt bản chất, cấu trúc, quy luật của quá trình giao tiếp sư phạm, lĩnh hội một hệ thống tri thức nhất định về đặc điểm tâm lí học sinh, bản thân, quá trình sư phạm, các phương tiện giao tiếp, các phương pháp tác động tâm lí, mục đích giáo dục phải trở thành xuất phát điểm của tư duy sư phạm. Mặt khác phải nắm được kĩ thuật giao tiếp: kĩ thuật truyền - nhận thông tin, kĩ thuật tác động tâm lí (xây dựng chiến lược tác động tâm 10, kĩ thuật tri giác, nắm bắt đối tượng giao tiếp. Năng lực không tự nhiên sinh ra, do vậy để có được nó không còn

con đường nào khác ngoài học tập và rèn luyện, ở đây, ngoài việc nghiên cứu lí thuyết giao tiếp sư phạm, tiếp thu những tri thức cần thiết, thực hành giao tiếp sư phạm đóng một vai trò hết sức quan trọng. Sinh viên sư phạm phải được thường xuyên tập luyện giao tiếp: điều khiển các loại hình hoạt động khác nhau trong nhóm, tổ, lớp (hội họp, vui chơi, tranh biện...): tập trình bày logic các vấn đề cho những đối tượng cụ thể... Thông qua các loại hình hoạt động này, không chỉ các kinh nghiệm giao tiếp được hình thành mà các đặc điểm tâm lí giao tiếp quan trọng: nhu cầu giao tiếp, tính chú ý, ý chí, thói quen... cũng được phát triển. Có thể thấy, hoạt động giáo dục ở trường sư phạm phải được tổ chức sao cho mỗi sinh viên đều có cơ hội tập luyện giao tiếp, tiến hành giao tiếp thực thụ ngay từ những ngày đầu bước chân vào trường sư phạm. Điều hết sức quan trọng trong quá trình hình thành năng lực giao tiếp sư phạm là ở chỗ, phải ý thức được nhân cách toàn vẹn của giáo viên là chủ thể của hoạt động giao tiếp - việc hình thành năng lực giao tiếp không tách rời việc hình thành và phát triển toàn bộ nhân cách người giáo viên. “Đối với học sinh không chỉ quan trọng ở chỗ nói với họ cái gì mà còn ai nói” (Crúpxkaia). Giao tiếp sư phạm là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với thành công của hoạt động sư phạm. Đó là một hoạt động phức tạp, bao gồm nhiều phương diện, đòi hỏi người thực hiện phải có một sự chuẩn bị chu đáo, cẩn kẽ. Như đã trình bày, việc chuẩn bị này là mục đích, nhiệm vụ của toàn bộ quá trình đào tạo giáo viên trong nhà trường sư phạm. Xuất phát từ những khiếm khuyết có tính phổ biến trong hoạt động sư phạm của sinh viên, đòi hỏi phải xây dựng một chương trình giáo dục nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm, góp phần giúp cho sinh viên vững vàng trong hoạt động nghề nghiệp của mình, đảm bảo thành công ngay từ đầu chứ không phải cứ làm là khác biệt. Bởi lẽ trong giáo dục không thể mạo hiểm, không thể chấp nhận sự hi sinh học sinh này cho học sinh khác.

4. Thực hành, thảo luận

4.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm

4.1.1. Tính mục đích trong giao tiếp

Mục đích trong giao tiếp có thể là cung cấp thông tin, gây tác động tâm lý cho ai đó hoặc đơn thuần chỉ là để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp của chính bản thân mình.

Mục đích giao tiếp có ảnh hưởng qua lại đến nội dung và phương thức, phương tiện giao tiếp. Nội dung giao tiếp của chúng ta thường là công việc chuyên môn, các quan hệ xã hội hoặc là tình hình thời sự- chính trị xã hội. Bao giờ để đạt được mục đích giao tiếp và chuyển tải được nội dung giao tiếp chúng ta cũng phải sử dụng phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ hoặc phối hợp cả hai loại phương tiện giao tiếp.

Mục đích giao tiếp càng đặt ra rõ ràng, cụ thể thì hiệu quả giao tiếp càng cao. Chẳng hạn, chúng ta đều biết chuyện ba anh em nhà Lưu Bị đi cầu kiến Khổng Minh. Ba anh em vất vả đường xa vạn dặm đến tìm nhưng lần nào người nhà Khổng Minh cũng nói Khổng Minh vào rừng lấy lá thuốc không biết bao giờ về. Trương Phi rất tức giận nhưng Lưu Bị đều can ngăn vì mục đích tìm được người tài giúp mình thì gian khổ mấy cũng phải chấp nhận. Cuối cùng Lưu Bị tìm được Khổng Minh là bậc Thánh hiền ra giúp mình.

Trong giao tiếp hiện đại, trừ những vấn đề quá nhạy cảm, còn lại khi giao tiếp với ai đó chúng ta nên nói rõ mục đích giao tiếp để quá trình giao tiếp diễn ra thuận lợi, không bị căng thẳng. Ví dụ, lâu rồi bạn không có điều kiện đến thăm nhà một người quen, hôm nay đến chơi, bạn có thể nói:” Lâu nay em bận quá không có thời gian đến thăm anh chị, hôm nay rảnh rồi em đến chơi thăm sức khỏe anh chị “ hoặc “ ...Trước là em đến thăm anh chị, sau là muốn nhờ anh chị giúp cho em chút việc...”... Khi bạn không nói rõ mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp thường phải phỏng đoán việc bạn đến nhà nên tâm lý dễ bị căng thẳng, không thoải mái tự nhiên.

4.1.2. Tính chuẩn mực trong giao tiếp

Giao tiếp bao giờ cũng phải tuân thủ các chuẩn mực chung của xã hội. Chuẩn mực trong giao tiếp là thước đo trình độ văn hóa chung của con người trong giao tiếp:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An

Chuẩn mực trong giao tiếp là các giá trị chung (đạo đức, niềm tin, lương tâm), các qui định, qui ước chung. Các qui định này có thể viết thành văn(như luật pháp, qui chế), có thể bất thành văn(như phong tục, tập quán) mà khi giao tiếp con người luôn tự giác tuân theo.Có những qui định, qui ước chung cho cả loài người,có thể chỉ phổ biến của Quốc gia, dân tộc, cũng có thể là đặc thù của cộng đồng, nghề nghiệp, gia đình...

4.1.3. Thấu cảm và đồng cảm

Thấu cảm và đồng cảm là một nguyên tắc rất cơ bản trong giao tiếp. Thấu cảm là hiểu thấu đáo đối tượng, thông cảm, chia sẻ và có hành vi phù hợp với đối tượng, tình huống giao tiếp. Đồng cảm là sự hiểu biết thấu đáo, chia sẻ cảnh ngộ, chia sẻ tâm trạng và có sự cộng hưởng về tâm hồn. Thấu cảm thường nghiêng về lý trí còn đồng cảm thiên về tình cảm.

Muốn có được sự thấu cảm trong giao tiếp, chúng ta phải biết quan tâm, lắng nghe sự chia sẻ của đối tượng giao tiếp để hiểu đúng về họ..Muốn đồng cảm được với người khác thường có hai cơ chế, Một là, chúng ta đã ở trong hoàn cảnh giống với đối tượng giao tiếp thì rất dễ đồng cảm với họ. Ví dụ, chúng ta đã từng rất nghèo khổ hay mồ côi, khi gặp những đứa trẻ nghèo hay mồ côi cha mẹ, chúng ta rất dễ đồng cảm với chúng. Hai là, chúng ta biết đặt mình vào vị trí của đối tượng giao tiếp để suy nghĩ, cảm xúc giống như họ, ta rất dễ đồng cảm với họ. Ví dụ, nhiều người chưa từng đói ăn, thiếu mặc hay bị mồ côi cha mẹ nhưng họ biết đặt mình vị trí những đứa trẻ mồ côi nghèo khổ, họ suy nghĩ mình nhiều tuổi như thế này mà vẫn còn cha mẹ thì những đứa trẻ không có bố mẹ sẽ khổ như thế nào, hay mình có cái ăn cái mặc như thế này mà những đứa trẻ không có cái ăn cái mặc sẽ như thế nào... Vì vậy, họ rất dễ thông cảm với trẻ em.

4.1.4. Tôn trọng và tự trọng trong giao tiếp

Trong cuộc sống, ai cũng muốn được coi là quan trọng, được tôn trọng, không muốn bị coi thường, bị nói xấu. Vì thế, chúng ta bao giờ cũng giao tiếp theo “ nguyên lý mặt tiền”, “ tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại”: bao giờ chúng ta cũng muốn nói những ưu điểm của mình với người khác, nhất là cấp trên của mình.

Trong giao tiếp, chúng ta nên tôn trọng người khác ở những điểm sau:

- Trọng cơ thể: Dù cơ thể người đó là khỏe hay yếu, đẹp hay xấu...chúng ta đều nên tôn trọng.

- Tôn trọng cá tính, nghề nghiệp của mỗi cá nhân: Trong xã hội, mỗi người đều có cá tính riêng, không ai giống ai, chúng ta không nên áp đặt ý muốn chủ quan của mình lên người khác bắt họ phải tuân theo mà trong giao tiếp, ứng xử phải tôn trọng cái riêng của từng người. Đồng thời mỗi người đều có nghề nghiệp nhất định, có sứ mạng riêng nên khi giao tiếp chúng ta không nên đề cao nghề này, dè bieu nghề kia mà phải hiểu rằng nghề nào cũng đáng quý, đều nhằm phục vụ nhu cầu của xã hội.

-Trọng nhân vật: Trong xã hội, bao giờ cũng có người, giàu, người nghèo, người có địa vị cao, người có địa vị thấp, chúng ta không nên phân biệt khi đối xử, giao tiếp.

-Tôn trọng tuổi tác, giới tính: Trong xã hội hiện đại văn minh, chúng ta tôn trọng phụ nữ, tôn trọng người lớn tuổi. Người Việt Nam chúng ta khi giao tiếp thường hay hỏi nhau tuổi để tiện cho việc xưng hô, để khỏi bị coi là thất lễ.

Đồng thời với việc tôn trọng người khác, chúng ta cần tôn trọng bản thân mình, tức là chúng ta phải có lòng tự trọng . Bởi lẽ :“Nếu anh không tôn trọng bản thân anh thì đừng mong gì người khác tôn trọng anh”.

Một người có lòng tự trọng là người:

- Tự nhận thức đúng về bản thân.

- Tự đánh giá được bản thân.
- Tự ý thức đúng bản thân.
- Tự kiểm soát được bản thân.
- Tự khẳng định được bản thân.

4.1.5. Tính linh hoạt trong giao tiếp

Trong giao tiếp, ứng xử, chúng ta phải hết sức linh hoạt, không được rập khuôn, máy móc. Người phương Đông bao giờ cũng thiên về sự uyển chuyển, mềm mại trong giao tiếp.

“Lạt mềm, buộc chặt”

“Mềm mại gần với cái sống, cứng rắn gần với cái chết”

“Nước chảy, đá mòn”

Tuy nhiên vẫn phải biết giữ sự quân bình, đừng nên thái quá vì:” *Cứng quá dễ gãy, mềm quá dễ vắt”*.

4.2. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm.

Các giai đoạn hình thành kỹ năng Có nhiều cách phân chia khác nhau:

- Theo K.K. Platonov và G.G. Golubev (1963) thì kỹ năng được hình thành và phát triển qua 5 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1; Con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách thức thực hiện hành động dựa trên vốn hiểu biết và kỹ xảo sinh hoạt đời thường, hành động bằng thử và sai.

+ Giai đoạn 2: Biết cách làm nhưng không đầy đủ. Con người có hiểu biết về phương thức hành động, sử dụng các kỹ xảo đã có, nhưng chưa phải là kỹ xảo chuyên biệt dành cho hoạt động này.

+ Giai đoạn 3: Có những kỹ năng chung nhưng còn mang tính chất độc lập. Các kỹ năng này cần thiết cho các dạng hoạt động khác nhau.

+ Giai đoạn 4; Có kỹ năng phát triển cao, con người biết sử dụng vốn hiểu biết và kỹ xảo đã có. Họ không chỉ ý thức được mục đích mà còn ý thức được động cơ, lựa chọn cách thức để đạt được mục đích.

+ Giai đoạn 5: Hình thành kỹ năng khác nhau. Có nghĩa là con người không chỉ sử dụng các kỹ năng đã được hình thành ở mức độ thuần thục, điều luyện mà còn sáng tạo trong khi thực hiện.

- Hoàng Thị Oanh cho rằng, kỹ năng được hình thành theo 4 giai đoạn sau;

+ Giai đoạn nhận thức. +

Giai đoạn làm thử.

+ Giai đoạn kỹ năng bắt đầu hình thành.

+ Giai đoạn kỹ năng bắt đầu hoàn thiện.

Quan điểm chung của các nhà tâm lý học hoạt động, kỹ năng được hình thành qua các giai đoạn sau:

1) Nhận thức mục đích của hành động và kế hoạch hành động.

2) Làm thử.

3) Luyện tập.

- Theo Nguyễn Phú Thông Thái, kỹ năng được hình thành qua hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Có tri thức về hành động (mục đích, cách thực hiện, các điều kiện hành động) và các kinh nghiệm cần thiết.

+ Giai đoạn 2: Vận dụng tri thức, kinh nghiệm đi vào hành động và thực hiện hành động có kết quả. Như vậy, việc nắm được các giai đoạn hình thành kỹ

năng để tổ chức và điều khiển hoạt động giáo dục sao cho hình thành được ở giáo viên những kỹ năng sư phạm là điều cần thiết và quan trọng. Các kỹ năng sư phạm của người giáo viên được hình thành và hoàn thiện trong quá trình hành nghề.

Tham khảo

MỘT SỐ THỦ THUẬT KHÉO LÉO ỨNG XỬ SƯ PHẠM THỂ HIỆN SỰ THỐNG NHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SƯ PHẠM

- *Thực sự quan tâm chú ý đến học sinh/ sinh viên cả trong học tập lẫn trong cuộc sống.*
- *Biết mỉm cười chân thật khi tiếp xúc với học sinh/ sinh viên.*
- *Giọng nói thể hiện thái độ thiện cảm, ôn tồn.*
- *Biết chăm chú lắng nghe, khuyến khích mọi người quan tâm đến học sinh/ sinh viên.*
- *Biết gợi lên những suy nghĩ, giúp học sinh/ sinh viên bộc lộ chính kiến, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc, những điều mong muốn để giúp các em vượt lên được những khó khăn trong cuộc sống..*

- *Khéo léo trong ứng xử nhằm giúp học sinh/ sinh viên hiểu được mặt mạnh, mặt yếu của bản thân để có hướng học tập, phấn đấu vươn lên.*

- *Tạo cảm giác an toàn, niềm vui mới, nghị lực mới cho học sinh/ sinh viên sau mỗi lần giao tiếp với giáo viên/ giảng viên.*

BÀI 2: KỸ NĂNG GIAO TIẾP SƯ PHẠM

*** Mục tiêu:**

Hoàn thành bài học này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Trình bày được đặc điểm và cách thức thực hiện các kỹ năng giao tiếp sư phạm.

- Kỹ năng: Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp sư phạm trong xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động, linh hoạt áp dụng các kỹ năng giao tiếp sư phạm vào giải quyết các tình huống giao tiếp sư phạm.

Kỹ năng giao tiếp sư phạm là khả năng vận dụng các kiến thức và kinh nghiệm về hoạt động sư phạm của người dạy nhằm thực hiện có kết quả quá trình giao tiếp với người học để đạt được mục tiêu giáo dục..

Kỹ năng giao tiếp sư phạm là một dạng kỹ năng nghề nghiệp và được thể hiện trong lao động sư phạm của người dạy. Kỹ năng giao tiếp sư phạm vừa thể hiện kỹ năng giao tiếp nói chung vừa thể hiện các đặc trưng của hoạt động sư phạm (dạy học và giáo dục). Kỹ năng giao tiếp sư phạm thực chất là sự phối hợp hài hòa giữa các chuẩn mực xã hội với những chuẩn mực của hoạt động sư phạm. Có thể coi kỹ năng giao tiếp sư phạm là một dạng kỹ năng giao tiếp có văn hóa trong hoạt động sư phạm. Hay nói khác đi, người có kỹ năng giao tiếp sư phạm là người nắm được các chuẩn mực giao tiếp nói chung, chuẩn mực giao tiếp sư phạm nói riêng và vận dụng có kết quả trong một tình huống giao tiếp cụ thể-giao tiếp với người học -để dạy học và giáo dục đạt được.

Kỹ năng giao tiếp sư phạm là kỹ năng giao tiếp bậc cao, thể hiện trong đó nhiều tri thức, kinh nghiệm và một số kỹ xảo khác. Kỹ năng giao tiếp sư phạm phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm cá nhân và sự từng trải của người dạy. Kỹ năng giao tiếp sư phạm bao gồm nhiều nhóm kỹ năng và trong mỗi nhóm lại có các kỹ năng thành phần. Hoạt động sư phạm là một hoạt động phức tạp, vì vậy để thành công trong hoạt động này giáo viên cần phải biết sử dụng phối hợp các kỹ năng trên trong những hoàn cảnh khác nhau một cách sáng tạo.

2.1. Kỹ năng nhận thức trong giao tiếp sư phạm

2.1.1. Nhận biết trạng thái cảm xúc

Các trạng thái cảm xúc cơ bản: đặc điểm nhận diện:

Sự biểu hiện bên ngoài của cảm xúc bao gồm:

- 1) Những động tác biểu hiện ra bên ngoài (nét mặt, điệu bộ, cử chỉ, vãn điệu, thân thể, ngôn ngữ);
- 2) những thể hiện đa dạng của thân thể trong hoạt động và trạng thái của các nội quan);
- 3) những biến đổi sáu về thể " dịch trong thành phần hoá học của máu và các dịch khác, trong trao đổi chất.

Những hình thức biểu cảm trên tạo ra "tiếng nói" của cảm xúc, nhờ đó con người có thể truyền đạt, trao đổi cho nhau những tâm tư, tình cảm của mình. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, thứ "tiếng nói" này khác nhau ở những dân tộc khác nhau, trong các thời đại lịch sử khác nhau, ở những nhóm khác nhau. Các động tác biểu hiện cảm xúc rất đa dạng và đa nghĩa. Những hình ảnh bên trên là một số ví dụ về biểu hiện bên ngoài của các cảm xúc khác nhau. Muốn đọc được "ngôn ngữ" biểu hiện này cần có kinh nghiệm sống và cần được đào tạo.

2.1.2. Nhận biết ý định, thái độ

+ Ý định, thái độ của đối tượng giao tiếp và những biểu hiện bên ngoài:

Ý định là dự định có ý thức thực hiện chức năng kích thích và lập kế hoạch hành vi, hoạt động của con người. Trong giao tiếp, ý định có thể biểu hiện ra bên ngoài qua các cử chỉ, biểu hiện hình thể, tư thế, nét mặt..., đặc biệt là ánh mắt.

Em bảo: "Anh đi đi" Sao anh không đứng lại? Em bảo: "Anh đừng đợi" Sao anh vội về ngay? Lời nói thoảng gió bay. Đôi mắt huyền đắm lệ. Sao mà anh ngốc thế. Không nhìn vào mắt em.

Sự biểu hiện ý định, thái độ, cũng như trạng thái tâm lí (cái tâm lí) thông qua ngôn ngữ và điệu bộ là rất phức tạp, vì cùng là một cái tâm lí có thể được bộc lộ bằng ngôn ngữ và điệu bộ khác nhau. Ngược lại, sự biểu hiện ra bên ngoài như nhau có thể lại là biểu hiện cái tâm lí khác nhau. Ví dụ, người giáo viên đang có tâm trạng buồn rầu rầu có thể kiềm chế không bộc lộ ra bên ngoài để tránh ảnh hưởng tới không khí vui vẻ trong giờ lên lớp. Tuy nhiên, nhờ có những dấu hiệu biểu hiện chung nhất về cảm xúc qua các biểu hiện bên ngoài mà người ta vẫn có thể phán đoán đúng các trạng thái và đặc điểm tâm lí của đối tượng giao tiếp.

Những dấu hiệu như: ngưng ngừng, bẽn lẽn, rụt rè, miễn cưỡng, căng thẳng, không hợp lí, loạn nhịp điệu... đều chứa đựng một ý định, thái độ thâm kín hay một biến đổi tâm lí nào đó trong sâu thẳm của đối tượng hoặc chủ thể giao tiếp. Những dấu hiệu đó có thể do giáo viên hay học sinh không làm chủ được mà bộc lộ ra, nhưng đôi khi lại là cố tình thể hiện chúng trong giao tiếp. Người quan sát tinh tế có thể nhận thấy được ý định, thái độ... của đối tượng giao tiếp qua các biểu hiện bên ngoài, từ đó có cách ứng xử phù hợp, đạt hiệu quả cao.

Việc phát triển năng lực giao tiếp nói chung và giao tiếp sư phạm nói riêng ở người giáo viên không thể tách rời một số năng lực cơ bản khác, trong đó có năng lực làm chủ bản thân. Năng lực này được thể hiện rõ trong các kĩ năng sống cần thiết như: kĩ năng tự nhận thức, xác định giá trị, làm chủ (kiểm soát) cảm xúc, thể hiện sự tự tin...

2. Nhóm kỹ năng làm chủ bản thân trong giao tiếp sư phạm

2.1. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc

Kiểm soát cảm xúc là khả năng con người nhận biết rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đối với bản thân và người khác như thế nào, đồng thời biết cách điều chỉnh và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc còn có nhiều tên gọi khác như: xử lý cảm xúc, làm chủ cảm xúc, quản lý cảm xúc. Bản chất của kỹ năng này là khả năng điều chỉnh tần suất, cường độ thể hiện cảm xúc sao cho không gây tác hại cho bản thân cũng như những người xung quanh. Những cảm xúc có cường độ mạnh thường do tình huống căng thẳng gây nên. Tình huống gây căng thẳng là những sự việc, vấn đề xảy ra trong cuộc sống, những mối quan hệ phức tạp giữa con người, những thay đổi của môi trường... tác động đến con người gây ra cảm xúc mạnh, phần lớn là cảm xúc tiêu cực, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần. Các biểu hiện của con người khi căng thẳng:

- Về sinh lý: tim đập nhanh và mạnh, toát mồ hôi, hồi hộp, đau đầu, mất ngủ, đi tiểu nhiều, ăn không ngon... - về cảm xúc: Sợ, lo lắng, ám ức, tức giận, khó chịu, buồn bã, trầm cảm... Khi phủ nhận cảm xúc thì thường muốn khóc, chạy trốn, hung hăng hơn.

- Về hành vi; ngại tiếp xúc, tự gây thương tích, gây sự, nổi khùng, hút thuốc, uống rượu... Trong giao tiếp sư phạm, trạng thái căng thẳng ảnh hưởng nhiều đến hành vi của giáo viên và học sinh, và thường gây ra hậu quả tai hại. Để làm chủ cảm xúc của mình, giáo viên cần rèn luyện:

+ Hiểu ra con tức giận của mình - bước đầu tiên trong việc đề phòng và kiểm chế tức giận.

+ Suy nghĩ tích cực về tình huống xảy ra: học sinh chưa chín chắn, học sinh có hành vi vô tình, có thể bản thân mình có sơ suất ...

+ Bình tĩnh, linh hoạt tìm phương án tối ưu. Tức giận kèm theo hành vi làm tổn thương người là không thể chấp nhận.

+ Trong tình huống bị sốc, giáo viên nên áp dụng các biện pháp giải tỏa căng thẳng, tăng cường ý chí để kiểm soát cảm xúc:

- Phản ứng chậm lại;
- Tỏ thái độ như không để ý tới học sinh gây ra hành vi đối kháng;
- Có thể chuyển phản ứng thông qua thực hiện các hành động thường nhật (lau bảng, xem giáo án...):

• Pha trò, hài hước, kể chuyện... sẽ làm giảm không khí căng thẳng. Giáo viên biết kiểm soát cảm xúc thì sẽ giảm căng thẳng, giúp giao tiếp hiệu quả hơn, giải quyết mâu thuẫn một cách hài hoà và mang tính xây dựng hơn, giúp ra quyết định và giải quyết vấn đề tốt hơn.

- ***Các bước hình thành kỹ năng kiểm soát xúc cảm của bản thân***

Bước 1: Liệt kê trong đầu những điều mình kiểm soát được và không kiểm soát được để tự nhủ rằng mình chỉ có khả năng kiểm soát được suy nghĩ và cảm xúc của chính mình.

Bước 2: Nhận diện cảm xúc của bản thân khi một tình huống xảy ra. Điều quan trọng bạn phải xác định được loại cảm xúc nguyên phát. Tức giận thường không phải là cảm xúc nguyên phát, nó là cảm xúc tức thì. Nằm dưới cảm xúc tức giận thường là cảm xúc khác như tổn thương do thấy không được tôn trọng, không được đánh giá cao, không được thừa nhận, không được yêu thương, không được quan tâm...

Bước 3: Hít thở sâu và nhẹ nhàng.

Bước 4: Nhận diện cảm xúc tiêu cực đó như là điều rất bình thường. Không xấu hổ, không chỉ trích, không tự buộc tội, hạ thấp bản thân. Khi bình tĩnh nhìn nhận cảm xúc ấy, nó sẽ dịu xuống. Còn khi bạn cố tình né tránh nó, nó càng trở nên mạnh.

Bước 5: Tự giải thích vì sao mình cảm thấy bị tổn thương.

Bước 6: Cố gắng gọi đúng tên cảm xúc của mình và diễn đạt nó với đối tượng giao tiếp thay vì chỉ trích họ.

Có thể dùng mẫu câu sau: “**Tôi thấy/ tôi nhận thấy/tôi cảm thấy+ tên cảm xúc+ khi...+ vì...**”

Ví dụ, bạn hãy nói:

-” Tôi bị tổn thương ghê gớm khi bạn xúc phạm tôi” thay vì nói:” Bạn là đồ tồi”.

-“ Tôi cảm thấy không được tôn trọng khi bạn sử dụng đồ dùng của tôi mà không hỏi trước” thay vì nói:” Bạn là người quá tự tiện”.

Tham khảo: BÍ QUYẾT 90/10

Bí quyết đó là gì?

10% cuộc đời là những gì xảy đến với bạn.

90% cuộc đời là do phản ứng của bạn đối với những chuyện xảy đến đó.

Thế nghĩa là sao? Chúng ta hãy xét một ví dụ:

Bạn đang ăn sáng cùng với gia đình. Vô tình con gái bạn làm đổ cà phê lên áo bạn. Chuyện đó xảy ra bất chợt, bạn không kiểm soát được. Điều xảy ra tiếp đó là phản ứng thuộc quyền quyết định của bạn. Bạn mắng con gái, Con gái bạn òa khóc. Bạn trách cả vợ mình sao lại để tách cà phê gần rìa bàn. Hai người cãi nhau một hồi. Bạn đứng đứng bước lên phòng thay áo. Khi bạn trở ra, con gái bạn vẫn còn khóc, chưa ăn xong để đi học. Cháu bị lỡ chuyến xe đưa rước học sinh đi học. Vợ bạn phải hối hả đi làm. Bạn đi nhanh ra xe, đưa con gái đến trường. Sợ chậm giờ

hoc, bạn lái xe vượt tốc độ cho phép. Sau khi chịu phạt nặng, bạn đưa con tới trường chậm 15 phút. Con bạn chạy nhanh vào lớp không kịp chào bạn. Bạn đến cơ quan chậm 20 phút, lại thấy mình để quên cái cặp ở nhà. Bạn bị sếp khiển trách vì đi làm muộn. Đồng nghiệp bạn than phiền vì dạo này bạn làm việc chểnh mảng và cũng không thèm chào họ. Một ngày của bạn bắt đầu một cách khủng khiếp. Chuyện càng ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Những việc tệ hại tiếp tục xảy ra...

Buổi chiều, bạn buồn chán trở về nhà để thấy vợ con không vui vẻ đón mình như ngày hôm trước.

Tại sao bạn có một ngày buồn chán như thế?

A. Tại tách cà phê chẳng?

B. Tại con gái bạn chẳng?

C. Tại người cảnh sát ư?

D. Do bạn gây ra đấy chứ?!

Câu trả lời đúng là D. Bạn đã không làm chủ được 90% thuộc quyền phản ứng của mình. Cách phản ứng chỉ trong năm giây của bạn đã tạo nên một ngày bất hạnh. Bạn cũng đã có thể có một cách phản ứng khác. Khi tách cà phê đổ, con gái bạn muốn khóc, bạn đã có thể nói: "Không sao đâu con, lần sau con nên cẩn thận hơn một chút.". Bạn nhẹ nhàng đi thay áo và mang theo chiếc cặp làm việc. Bạn xuống nhà vừa kịp vẫy tay chào lại con khi xe đưa rước đến đón con bạn. Vợ chồng bạn chào nhau âu yếm rồi cùng đi làm. Bạn đến cơ quan sớm 5 phút và vui vẻ chào các đồng nghiệp buổi sáng. Có lẽ sếp sẽ khen bạn vì một ngày làm việc có hiệu quả.

Hãy nhớ rằng phản ứng của bạn rất quan trọng. Chuyện bất ngờ xảy đến chỉ chiếm 10%, quyết định phản ứng của bạn chiếm tới 90%. Hãy nhớ và áp dụng bí quyết 90/10 cho mọi việc xảy ra trong ngày, bạn sẽ thấy cuộc đời bạn tốt lên rất nhiều. Chúc bạn thành công!

2.2.4. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng

Trong cuộc sống hàng ngày, con người thường gặp phải những tình huống gây căng thẳng cho bản thân. Tuy nhiên, có khi cùng tình huống có thể gây căng thẳng cho người này nhưng lại không gây căng thẳng cho người khác và ngược lại. Khi bị căng thẳng mỗi người có tâm trạng, cảm xúc khác nhau: Cũng có khi là những cảm xúc tích cực nhưng cũng có những cảm xúc tiêu cực, gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, ở một mức độ nào đó, khi một cá nhân có khả năng đương đầu với căng thẳng thì đó có thể là một tác động tích cực, tạo sức ép buộc cá nhân đó phải tập trung vào công việc của mình, bứt phá thành công. Nhưng mặt khác, sự căng thẳng cũng có một sức mạnh huỷ diệt cuộc sống cá nhân nếu căng thẳng đó quá lớn, kéo dài và không giải tỏa nổi. Khi bị căng thẳng, tùy từng tình huống, mỗi người có thể có cách ứng phó khác nhau. Cách ứng phó tích cực hay tiêu cực khi căng thẳng phụ thuộc vào cách suy nghĩ tích cực hay tiêu cực của cá nhân trong tình huống đó. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng là khả năng con người bình tĩnh, sẵn sàng đón nhận những tình huống căng thẳng như là một phần tất yếu của cuộc sống, là khả năng nhận biết sự căng thẳng, hiểu được nguyên nhân, hậu quả của căng thẳng, cũng như biết cách suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi bị căng thẳng. Chúng ta cũng có thể hạn chế những tình huống căng thẳng bằng cách sống và làm việc điều độ, có kế hoạch, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao; sống vui vẻ, chan hoà, tránh gây mâu thuẫn không cần thiết với mọi người xung quanh; không đặt ra cho mình những mục tiêu quá cao so với điều kiện và khả năng của bản thân... Kỹ năng ứng phó với căng thẳng rất quan trọng, giúp cho con người:

- Biết suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi căng thẳng.
- Duy trì được trạng thái cân bằng, không làm tổn hại sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân.
- Xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp, không làm ảnh hưởng đến người xung quanh. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng có được nhờ sự kết hợp của các kỹ

năng sống khác như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xử lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ và kỹ năng giải quyết vấn đề.

2.2.6. Kỹ năng thể hiện sự kiên định

Kiên định là khả năng con người giữ vững lập trường, quan điểm, ý định, không dao động, mặc dù gặp khó khăn, trở ngại. Người kiên định không phải là người bảo thủ, cứng nhắc, hiếu thắng hay phục thù mà là người linh hoạt, mềm dẻo và tự tin khi đứng trước bất kỳ vấn đề khó khăn nào trong cuộc sống. Kỹ năng kiên định giúp chúng ta luôn biết dung hòa giữa quyền lợi và nhu cầu của bản thân với quyền lợi và nhu cầu của người khác. Kỹ năng kiên định cũng giúp chúng ta tự bảo vệ được chính kiến, quan điểm, thái độ và những quyết định của bản thân nhưng không chà đạp lên quyền lợi và lợi ích của người khác. Người có kỹ năng kiên định là người sống có bản lĩnh, dám nghĩ dám làm. Để có được kỹ năng kiên định chúng ta cần biết cách phối hợp rèn luyện các kỹ năng cơ bản khác như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng giải quyết vấn đề... vv... Các bước hình thành kỹ năng kiên định:

- Nhận thức tình huống, xuất hiện cảm xúc.
- Phân tích tình huống, xác định hành vi của người giao tiếp.
- Khẳng định ý muốn của bản thân.
- Thực hiện quyết định của bản thân.

2.4. Kỹ năng nhận thức trong giao tiếp sự phạm

Tự nhận thức là tự nhìn nhận, tự đánh giá về bản thân. Kỹ năng tự nhận thức là khả năng của con người hiểu về chính bản thân mình như; cơ thể, tư tưởng, các mối quan hệ xã hội của bản thân; biết nhìn nhận, đánh giá đúng về tiềm năng, tư tưởng, cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân mình; quan tâm và luôn ý thức được mình đang làm gì, kể cả nhận ra lúc bản thân đang cảm thấy căng

thăng. Tự nhận thức là một kỹ năng sống rất cơ bản của con người, là nền tảng để con người giao tiếp, ứng xử và liiệu quả vitrii ngưtn khác cũng như để có thể cảm thông được vừi người khác. Ngoài ra, có hiểu đúng về mình, con người mới có thể có những quyết định, những sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với khả năng của bản thân, vì điều kiện thực tế và yêu cầu xã hội. Ngược lại, đánh giá không đúng về bản thân có thể dẫn con người đến những hạn chế, sai lầm, Ithất bạiii trong cuộc sống và trong giao tiếp với người khác. Nhận thức đúng, v về bản thân còn giúp ta có niềm tin vào bản thân trong hoạt động. Để tự nhận thức đúng về bản thân cần phải được trải nghiệm qua thực tế, đặc biệt là qua giao tiếp với người khác. Nếu không có sự so sánh mình với người khác thì không thể nhận thức đúng về bản thân.

2.5. Kỹ năng xác định giá trị

Giá trị là những gì con người cho là quan trọng, là có ý nghĩa đối với bản thân mình, có tác dụng định hướng cho suy nghĩ, hành động và lối sống của bản thân trong cuộc sống. Giá trị có thể là những chuẩn mực đạo đức, những chính kiến, thái độ, và thậm chí là thành kkiến đối với một điều gì đó. Giá trị có thể là giá trị vật chất hoặc giá trị linh thiêng, có thể thuộc các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, đạo đức, kinh tế... Mỗi người đều có một hệ thống giá trị riêng. Kỹ năng xác định giá trị là khả năng con người hiểu rõ được những giá trị của hãm Lháân mình. Kỹ năng xác định giá trị có ảnh hưởng lớn đến quá trình raiquiytết định của mỗi người. Kỹ năng này còn giúp người ta biết tôn trọng; Vì người khác, biết chấp nhận lắng nghe người khác có những giá trị và niềm tin khác. Giá trị không phải là bất biến mà có thể thay đổi theo thời gian, theo các giai đoạn trưởng thành của con người. Giá trị phụ thuộc vào giáo dục, vào nền văn hoá, vào môi trường sống học tập và làm việc của cá nhân.

2.6. Kỹ năng thể hiện sự tự tin

Tự tin là có niềm tin vào bản thân; tự hài lòng với bản thân; tin rằng mình có thể trở thành một người có ích và tích cực, có niềm tin về tương lai, cảm thấy có

nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ. Kỹ năng thể hiện sự tự tin biểu hiện ở khả năng nhận thức được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, có niềm tin vào bản thân, chủ động, mạnh dạn, cởi mở trong giao tiếp, bình tĩnh và kiềm chế được cảm xúc trong tình huống khó khăn, chủ động đặt mục tiêu cũng như thực hiện nhiệm vụ, không bi quan khi thất bại, dám chịu trách nhiệm về lời nói và việc làm của bản thân. Kỹ năng thể hiện sự tự tin giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả hơn, mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của mình, quyết đoán trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề, thể hiện sự kiên định, đồng thuận cũng giúp người đó có suy nghĩ tích cực và lạc quan trong cuộc sống. Kỹ năng thể hiện sự tự tin là yếu tố cần thiết trong giao tiếp, thương lượng, ra quyết định, đảm nhận trách nhiệm.

3. Nhóm kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp sư phạm

3.1. Sử dụng các phương tiện giao tiếp

3.1.1. Sử dụng ngôn ngữ

- Ngôn ngữ nói: là phương tiện được sử dụng nhiều nhất, hiệu quả nhất trong quá trình giao tiếp sư phạm, đặc biệt trên lớp học. Có hai hình thức sử dụng:

+ Ngôn ngữ độc thoại: là hình thức nói của một người, nhmig người khác chỉ nghe, đó là hình thức giáo viên giảng bài, học sinh nghe.

Để giao tiếp sư phạm trên lớp có hiệu quả, ngôn ngữ nói của giáo viên cần đạt được những yêu cầu sau:

- Dễ hiểu, mạch lạc, rõ ràng, dễ nhớ.
- Lời giảng súc tích, có nhiều thông tin hữu ích.
- Đảm bảo tính hợp lí, khoa học, hệ thống trong bài giảng và phù hợp với học sinh.
- Cách nói của thầy cô truyền cảm, lịch sự, hấp dẫn học sinh.

• Phải có kỹ năng làm chủ lời nói của mình. Muốn vậy giáo viên phải lưu ý: <>
Nắm vững nội dung bài giảng một cách nhuần nhuyễn, được luyện tập, rèn luyện nói nhiều lần. Nói phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh.

+ Ngôn ngữ đối thoại; là hình thức thầy cô hỏi, học sinh trả lời hoặc ngược lại.
Đặc điểm của ngôn ngữ đối thoại;

- Ngắn gọn, dễ hiểu.
- Nằm trong văn cảnh, hoàn cảnh cụ thể.
- Có nội dung cụ thể.
- Rút gọn, khái quát cao.

- Ngôn ngữ viết:

+ Ngôn ngữ viết trên bảng: cần phải đủ to, rõ ràng, trình bày bảng một cách khoa học để học sinh dễ hiểu bài, dễ ghi bài, theo dõi bài một cách hệ thống.

+ Ngôn ngữ viết vào bài kiểm tra của học sinh: Ngôn ngữ giao tiếp của chữ viết vào bài vở, bài kiểm tra của học sinh: sai ý nghĩa khích lộ, động viên, đánh giá sự hiểu bài ở mức độ khác nhau của các em.

+ Nếu nhận xét vào vở của học sinh thì nên ghi ngày tháng nhận xét để học sinh ý thức rõ mức độ phấn đấu của mình trong học tập.

3.1.2. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong giao tiếp sư phạm:

Điều bộ, cử chỉ, tư thế, dáng đi, đứng... là những phi ngôn ngữ cận ngôn ngữ và ngoại ngôn ngữ (phi ngôn ngữ) trong giao tiếp của con người. Giao tiếp phi ngôn ngữ là giao tiếp thông qua cơ thể như cử chỉ, điệu bộ, tư thế hoặc một số đồ vật gắn liền với cơ thể như: nón, áo, quần, kính... Thường khi giảng bài mới, tốt nhất là lưu ý hướng mắt về phía học sinh, miệng thoáng nở nụ cười thân thiện, tay ghi bảng, đứng chếch người về phía bên phải bảng để học sinh dễ theo dõi, ghi

bài. Trong điều kiện phát triển của khoa học công nghệ thông tin như hiện nay, phương tiện giao tiếp của người giáo viên (còn được thể hiện ở việc sử dụng thành thạo phương tiện kỹ thuật (giáo án điện tử, email...) trong dạy học.

3.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề là một trong những kỹ năng mềm quan trọng nhất mà nhà tuyển dụng nào cũng tìm kiếm ở ứng viên. Người sở hữu kỹ năng này có phản ứng nhanh nhạy, tư duy tốt, thông minh và hiểu biết. Nếu có thể nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, bạn nhất định sẽ đạt được thành công lớn trong công việc.

Kỹ năng giải quyết vấn đề là kỹ năng mềm được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Bởi ứng viên sở hữu kỹ năng này có khả năng xử lý các tình huống khó khăn bất ngờ ập đến khi triển khai các dự án cũng như trong quá trình tương tác với các khách hàng. Để tìm hiểu chi tiết, bạn đọc hãy cùng tham khảo bài viết dưới đây về kỹ năng giải quyết vấn đề là gì, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giải quyết vấn đề và làm thế nào để học hỏi, hoàn thiện kỹ năng này nhé.

Kỹ năng giải quyết vấn đề là khả năng giải quyết tình huống khó khăn và bất ngờ khi tương tác với các đối tác doanh nghiệp. Kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến kỹ năng lắng nghe tích cực, phân tích, nghiên cứu, sáng tạo, giao tiếp, khả năng đáng tin cậy và làm việc teamwork.

Kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến 2 khả năng: khả năng sắp xếp trật tự, phân tích và sáng tạo như so sánh, tương phản và chọn lọc. Tư duy phân tích là phạm trù trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng giải quyết vấn đề bởi quá trình phân tích sẽ giúp phát hiện ra các vấn đề và định hướng ra các giải pháp.

3.3. Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ

Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ là khả năng của cá nhân biết xác định và tìm đến những địa chỉ hỗ trợ, giúp đỡ đáng tin cậy khi gặp khó khăn trong cuộc sống. Có nhiều địa chỉ hỗ trợ, giúp đỡ khác nhau. Tuy nhiên, người/địa chỉ đáng tin cậy là

những người/ địa chỉ có trách nhiệm, biết giữ bí mật, không có thái độ phán xét hay chỉ trích... tìm kiếm sự hỗ trợ có thể giúp chúng ta nhận được sự bảo vệ, lời khuyên để tháo gỡ khó khăn, giải toả những áp lực gây ra do sự dồn nén cảm xúc, quan hệ giao tiếp; sẽ giúp chúng ta vượt qua khó khăn, vững tin vào bản thân và có thái độ tích cực trong cuộc sống.

Nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía người giúp đỡ, chúng ta cần biết cách trình bày rõ ràng những khó khăn mà chúng ta đang gặp phải và có thái độ đúng mực trong giao tiếp. Trong trường hợp yêu cầu trợ giúp của chúng ta chưa được đáp ứng như mong muốn, chúng ta nên bình tĩnh, không nản chí và tiếp tục tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác.

Hoa là học sinh ở lớp cô giáo Hiền làm chủ nhiệm rất hay ăn quà vặt trong lớp. Cô đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Để ngăn chặn hiện tượng này cô Hiền cần tìm sự giúp đỡ nào? Tại sao?

3.4. Kỹ năng đưa và nhận thông tin phản hồi

Phản hồi là phương pháp tiếp xúc mà người ta sẽ đưa và nhận thông tin trong cách ứng xử. Kỹ năng phản hồi được bộc lộ qua 2 cách:

- Phản hồi xây dựng (hay còn gọi là phản hồi tích cực).
- Phản hồi theo kiểu “ khen và chê ”

Kỹ năng phản hồi tích cực là kỹ năng người giao tiếp sẽ đưa ra các thông tin cụ thể về vấn đề căn cứ trên sự quan sát tỉ mỉ, từ đó nêu lên những điểm tích cực và những điểm cần cải thiện. Phản hồi tích cực được biểu hiện qua việc lắng nghe tích cực, tóm tắt được những điểm chính trong câu chuyện, kết hợp hoàn hảo giữa phản hồi bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

3.5. Kỹ năng từ chối

Có rất nhiều tình huống trong cuộc sống có thể dẫn tới các hậu quả, tác động xấu. Khi đó chúng ta cần có kỹ năng từ chối để tự bảo vệ mình và tránh những hậu quả tiêu cực. Từ chối là quyền của mỗi con người. Từ chối khẳng định tính kiên định và bản lĩnh của một con người. Khi từ chối lời kéo hoặc đề nghị sai trái, chúng ta sẽ tự bảo vệ được bản thân, gia đình, cộng đồng trước những hành vi nguy cơ hoặc hành vi có hại. Do có được quyết định từ chối, chúng ta cần biết xác định được tình huống/hành động cần phải từ chối, xác định rõ cảm xúc/tâm trạng của mình về tình huống hoặc hành động đó, hình dung trước về hậu quả khi thực hiện hành động đó và đưa ra các hành động thay thế từ đó đưa ra quyết định và thực hiện từ chối. Để từ chối hiệu quả chúng ta cần phải học nhiều kỹ năng quan trọng như: kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng kiên trì, kỹ năng giao tiếp và duy trì bản lĩnh của mỗi cá nhân.

Để từ chối, chúng ta cần thực hiện theo các bước sau:

- 1) Xác định được tình huống/hành động cần phải từ chối, dẫn đến các biểu hiện tiêu cực.
- 2) Xác định rõ cảm xúc/ tâm trạng của mình về tình huống hoặc hành động đó.
- 3) Nghĩ về những hậu quả khi thực hiện hành động đó.
- 4) Đưa ra các hành động thay thế.
- 5) Ra quyết định "từ chối".
- 6) Thực hiện "từ chối".

Bài tập thực hành Tình huống: Một phụ huynh mang quà đến thăm cô giáo và nhờ cô nâng điểm cho con. Bạn hãy giúp cô giáo từ chối việc này.

Bài 3: GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM

*** Mục tiêu:**

Hoàn thành bài học này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Xác định được đặc điểm các tình huống giao tiếp sự phạm thường gặp.
- Kỹ năng: Giải quyết được tình huống giao tiếp sự phạm thường gặp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện khả năng độc lập, tự chủ và hợp tác

trong giải quyết các tình huống giao tiếp sự phạm.

1. Tình huống giao tiếp sự phạm thường gặp

1.1 Tình huống giao tiếp sự phạm giữa giáo viên và học sinh

Tình huống sự phạm 1:

Trong giờ học, giáo viên có đưa ra một câu hỏi và gọi một học sinh trả lời, nhưng mà cả lớp không ai giơ tay để trả lời. Cô gọi bạn Thiên đứng dậy trả lời câu hỏi mà cô hỏi. Em Thiên đứng lên nhưng không trả lời mà chỉ đứng im, mắt tròn xoe nhìn cô giáo, miệng mím chặt và tay chân không cử động.

Trước tình huống này, bạn là giáo viên đó thì bạn sẽ làm gì và tại sao bạn lại làm như vậy?

Tình huống sự phạm 2:

Lớp bạn chủ nhiệm có một em nhuộm tóc vàng (đỏ, xanh) và cắt kiểu không giống ai. Nếu là bạn, bạn sẽ làm gì ?

Tình huống sự phạm 3:

Trong trường có một học sinh cá biệt, đã rất nhiều lần vi phạm nội quy của nhà trường. Nhưng lần này là một sai lầm nghiêm trọng. Ban giám hiệu nhà trường yêu cầu giáo viên chủ nhiệm cần đưa học sinh về gặp gia đình và trao đổi về vấn đề này. Khi đưa học sinh về nhà, trước khi giáo viên giải thích xong thì bố của học sinh đã đứng dậy tát tới tấp vào mặt học sinh và nói vì đã "làm xấu mặt" gia đình. Với địa

vị là một người giáo viên chủ nhiệm của học sinh đó, thì trong trường hợp này bạn sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

Tình huống sư phạm 4:

Tùng!tùng!tùng..... tiếng trống báo hiệu giờ sinh hoạt cuối tuần vừa điểm. Thầy Hùng đề nghị học sinh trong lớp phát hiện ưu và nhược điểm của lớp trong tuần qua. Để trêu bạn Vinh nhanh nhẩu giờ tay phát biểu ý kiến: “Em thưa thầy! Thằng Tuấn nó bảo cóc sợ thầy ạ!” Trước tình huống khó xử như vậy, Thầy Hùng sẽ xử lý như thế nào?

Tình huống sư phạm 5:

Là một thầy giáo trẻ!... Thầy Hùng được các bạn nữ trong trường quý mến và đặc biệt có một trong số các em học sinh đó là Hoa bày tỏ ý cảm mến. Thậm chí, Hoa đã viết thư bộc lộ tình cảm yêu đương rất sâu sắc. Nếu bạn là người thầy trong tình huống này bạn sẽ chọn cách cư xử nào trong bốn cách dưới đây?.....

1.2. Tình huống giao tiếp sư phạm giữa giáo viên và giáo viên

Tình huống sư phạm 1:

Giả sử có một phụ huynh trực tiếp đến gặp bạn nói những điều không tốt về một giáo viên (đồng nghiệp) đang dạy lớp con của họ. Phụ huynh cho rằng cô giáo nọ thiếu nhiệt tình, dạy học sinh không hiểu và đặc biệt là cô giáo có định kiến và thiếu quan tâm với con em họ nên con họ học không tiến bộ. Phụ huynh đó có nguyện vọng xin con sang học lớp của bạn và yêu cầu bạn giữ kín câu chuyện mà họ đã nói với bạn. Bạn sẽ xử lý như thế nào với tình huống như vậy?

Tình huống sư phạm 2:

Một đồng nghiệp có việc bận đột xuất đã điện thoại nhờ bạn dạy thay giúp một buổi, bạn đã vui vẻ nhận lời và hoàn thành buổi dạy một cách hoàn mỹ. Nhưng sau đó, hiệu trưởng biết được và đã gọi bạn và đồng nghiệp lên kiểm điểm, khiển trách một cách nghiêm khắc, yêu cầu không được tái phạm.

Đồng nghiệp của bạn rất ám ức, cho rằng hiệu trưởng quá nguyên tắc và máy móc, thời đại này cần quản lý “thoáng” một chút thì người dưới quyền sẽ thoải mái và tự giác làm việc có hiệu quả hơn. Còn bạn? Bạn có phản ứng như thế nào?

Tình huống sư phạm 3:

Bạn là giáo viên chủ nhiệm của lớp TCN – một lớp ngoan và học giỏi. Nhưng ngay giữa học kỳ I, trong một lần sinh hoạt lớp, em lớp trưởng đứng lên thay mặt cả lớp đề đạt với cô giáo chủ nhiệm về việc đổi thầy giáo dạy Cơ kỹ thuật.

1.3. Tình huống giao tiếp sư phạm giữa giáo viên và phụ huynh

Tình huống sư phạm 1:

Lớp bạn đang chủ nhiệm có một học sinh vi phạm nghiêm trọng nội quy của nhà trường. BGH đã yêu cầu bạn phải đưa em đó về tận nhà để nói chuyện với phụ huynh. Nhưng khi chưa kịp để giáo viên trình bày tường tận mọi việc, thì phụ huynh của em đã đứng dậy tát em học sinh tới tấp vì đã làm “xấu mặt” gia đình. Vào địa vị của người giáo viên chủ nhiệm này, bạn xử lý tình huống này như thế nào?

Tình huống sư phạm 2:

Bạn là giáo viên chủ nhiệm đến thăm nhà một em học sinh nghỉ học mấy hôm nay. Đến cổng thì nghe phụ huynh học sinh nói vọng to ra: “Thầy (cô) nào dạy mà mà mà dốt thế?”. Bạn xử lý tình huống này như thế nào?

Khi đến một gia đình học sinh với mục đích phối hợp giáo dục em A, một học sinh học kém và thiếu ý thức kỷ luật, nhưng gia đình em lại nói: “Nếu thầy cô không dạy được nó thì để tôi cho nó chuyển trường hoặc cho nó nghỉ học luôn cũng được”. Bạn phải xử lý thế nào?

Tình huống sư phạm 3:

Một học sinh trong lớp bạn chủ nhiệm làm mất xe máy đã không dám về nhà vì lo sợ bố mẹ đánh mắng. Bạn biết học sinh đó đang ở nhà một người thân. Bạn sẽ xử lý như thế nào?

2. Giải quyết các tình huống sư phạm thường gặp

Các nguyên tắc vận dụng khi giải quyết tình huống sư phạm

- Lấy học sinh là đối tượng trung tâm để giải quyết.
- Dựa trên đối tượng cụ thể, cách xử lý tình huống sẽ khác nhau.
- Giải quyết hợp tình trước, sau đó hợp lý sau.
- Chỉ giải quyết trực tiếp khi nắm rõ vấn đề, giải quyết vào thời điểm khác khi chưa rõ cần tìm hiểu thêm hoặc vấn đề đó là vấn đề cá nhân.
- Không phát sinh thêm tình huống có vấn đề sau khi giải quyết.
- Không ảnh hưởng đến các học sinh khác và tiến độ của bài giảng.
- Luôn có hướng động viên nhằm giúp học sinh phát triển sau khi giải quyết tình huống.

Trên đây chỉ là cách vận dụng mang tính chất tương đối của chúng tôi, bởi những tình huống sư phạm giống nhau có thể bắt gặp ở những cấp học khác nhau, tình huống sư phạm mà giáo viên chủ nhiệm gặp phải cũng có thể gặp ở những giáo viên bình thường. Cách gợi ý giải quyết cũng mang tính tham khảo, mỗi giáo viên tùy theo kinh nghiệm và trình độ của mình có thể có cách xử lý hay hơn.

Là người giáo viên, đặc biệt với các thầy, cô giáo chủ nhiệm, việc tiếp cận và xử lý các tình huống sư phạm là việc diễn ra hằng ngày. Làm thế nào để đưa ra cách xử lý linh hoạt, vừa đảm bảo những nguyên tắc giáo dục và làm cho các em học sinh tin tưởng vào thầy, cô giáo của mình. Dưới đây là một số tình huống sư phạm và cách giải quyết mà bản thân tôi đã gặp và sưu tầm được, xin chia sẻ cùng các thầy, cô và bạn đọc.

Tình huống 1: Trong giờ học, một nhóm học sinh mất trật tự -> làm thế nào?
Cách giải quyết: Tạm ngưng bài giảng, nghiêm nét mặt, hướng mắt về phía có HS mất trật tự, đợi lớp trật tự rồi tiếp tục giảng.

Tình huống 2: Khi đang giảng bài, phát hiện một HS đang đọc truyện -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Yêu cầu HS đưa quyển truyện cho giáo viên, cuối giờ gặp riêng HS đọc truyện để góp ý.

Tình huống 3: Một học sinh khá của lớp bất ngờ sa sút về lực học -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Tìm hiểu nguyên nhân, thăm hỏi gia đình, phối hợp với phụ huynh học sinh cùng tìm cách giải quyết.

Tình huống 4: Khi kiểm tra bài cũ, một học sinh không thuộc bài vì lý do tối hôm trước bị mất điện nên không học được bài -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Nghiêm túc nhắc nhở, khuyên bảo học sinh, sau đó tế nhị tìm hiểu nguyên nhân và tính trung thực của học sinh.

Tình huống 5: Sau bài kiểm tra 1 tiết, do đề bài quá khó, điểm của học sinh quá thấp -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Huỷ bài kiểm tra, thay khi có điều kiện, đồng thời quán triệt học sinh phải chịu khó học vì sẽ không có lần thứ hai như vậy nữa.

Tình huống 6: Trong giờ học có 2 học sinh đùa nghịch -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Yêu cầu lớp giữ trật tự, nhắc 2 học sinh đùa nghịch cuối giờ ở lại.

Tình huống 7: Buổi tối đi chơi, đang hút thuốc thì gặp học sinh -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Tỏ ý không nhận ra, ngày hôm sau gặp riêng học sinh để trao đổi và nhắc nhở.

Tình huống 8: Học sinh gặp giáo viên trên đường đi nhưng không chào -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Coi như không có gì xảy ra, nhân dịp nào đó sẽ đưa ra bài học giáo dục.

Tình huống 9: Một buổi tối đi chơi, giáo viên chủ nhiệm gặp 2 học sinh của lớp mình yêu nhau -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Hôm sau gặp riêng từng em để khuyên bảo, phối hợp với gia đình cùng bảo ban...

Tình huống 10: Đang giờ học, 1 học sinh nam ném thư cho học sinh nữ -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Xuống chỗ học sinh nữ, yêu cầu đưa tờ giấy, xem và cất đi, tiếp tục giảng bài, sau đó gặp riêng 2 học sinh để nhắc nhở.

Tình huống 11: Lớp 11 đang chọn học sinh làm lớp trưởng, một em học giỏi nhưng hoạt động chưa năng nổ, một em hoạt động rất năng nổ nhưng lực học hơi hạn chế -> làm thế nào?

Đọc thêm: 7 câu hiệu lệnh ổn định trật tự lớp học được giáo viên tiểu học sử dụng nhiều nhất

Cách giải quyết: Bỏ phiếu kín, sau đó giáo viên chủ nhiệm kiểm phiếu và lấy theo đa số phiếu.

Tình huống 12: Trong giờ học giáo viên phát hiện có 2 học sinh đang sụt sịt khóc -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Nhẹ nhàng nhắc lớp tập trung học, đưa mắt nhìn về phía 2 học sinh, cuối giờ sẽ gặp riêng để tìm hiểu nguyên nhân và cách khắc phục.

Tình huống 13: Giờ kiểm tra, nhắc nhảm tên -> học sinh phản ứng-> làm thế nào? Cách giải quyết: Yêu cầu lớp trật tự, xuống chỗ học sinh nhắc tên để kiểm tra tên và nhắc nhở thái độ làm bài, yêu cầu lớp khẩn trương làm bài.

Tình huống 14: Khi học sinh giả mạo chữ ký của phụ huynh -> làm thế nào?
=> Cách giải quyết: Gặp riêng học sinh để nhắc nhở, rút kinh nghiệm, đồng thời bí mật liên hệ với gia đình.

Tình huống 15: Giờ chào cờ, có 5 học sinh không mặc đồng phục, ban giám hiệu biết và nói với GVCN -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Hỏi lý do và phê bình 5 học sinh trước lớp, yêu cầu làm bản kiểm điểm.

Tình huống 16: Khi học sinh nữ có tình cảm với thầy giáo chủ nhiệm -> làm thế nào? Cách giải quyết: Coi như không biết và vẫn cư xử bình thường, nhân dịp nào đó có thể kể chuyện về mối quan hệ thầy trò đúng mực.

Tình huống 17: Có 1 học sinh nhiều lần không đứng dậy chào giáo viên -> làm thế nào? Cách giải quyết: Xuống tận nơi hỏi lý do, nhắc nhở em học sinh đó nếu tái phạm sẽ báo với giáo viên chủ nhiệm.

Tình huống 18: Giáo viên mắng học sinh quá mức, học sinh cảm cậ bỏ về -> làm thế nào? Cách giải quyết: Thầy xin lỗi cả lớp vì đã quá nóng nảy, nhưng các em yên tâm, thầy sẽ tìm cách gặp riêng bạn học sinh đó.

Tình huống 19: Học sinh trong lớp cứ chê tạt xấu của bạn mình, ví dụ nói ngọng “n và l” -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Khi không có mặt học sinh đó thì nhắc lớp không được cười bạn mình, đồng thời tích cực giúp em học sinh đó sửa chữa.

Tình huống 20: Trong khi giảng bài, một học sinh nhại lời giáo viên -> làm thế nào? Cách giải quyết: Tạm ngưng, hướng về phía học sinh: “Điều em nói là thừa, vì các bạn trong lớp nghe lời thầy giảng hơn là nghe e nói”.

Tình huống 21: Phê bình 1 học sinh, sau đó phát hiện em đó không có lỗi -> làm thế nào? Cách giải quyết: Nhân dịp nào đó, nói với học sinh đó: “Hôm trước thầy phê bình em nhưng em không có lỗi, người lớn đôi khi cũng mắc sai lầm”.

Tình huống 22: Đang giảng bài, 2 học sinh nam đánh nhau -> làm thế nào?
Cách giải quyết: Yêu cầu 1 trong 2 chuyển chỗ khác rồi tiếp tục giảng.

Tình huống 23: Giờ chữa bài tập, học sinh tìm ra cách giải khác -> làm thế nào? Cách giải quyết: Nói với lớp: “1 bài tập có thể có nhiều cách giải khác nhau, bài giảng của thầy chỉ là một cách giải, các em hãy cố gắng để tìm ra nhiều cách giải cho một bài tập”.

Tình huống 24: Giờ chữa bài tập, giáo viên bị nhầm dấu + thành dấu – và học sinh phát hiện ra -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Xin lỗi cả lớp, cảm ơn em học sinh đã phát hiện ra sự nhầm lẫn của mình, rồi sửa lại và tiếp tục giảng.

Tình huống 25: Giáo viên vào lớp, cả lớp đứng chào, có mấy học sinh vẫn còn đùa nghịch -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Giáo viên đứng nghiêm, đưa mắt về phía học sinh đùa nghịch, đến khi lớp im lặng thì nói: “Thầy chào các em. Mời các em ngồi”.

Tình huống 26: Đang giảng bài, một học sinh nữ kêu rú lên vì có học sinh nam bỏ con thạch sùng vào ngăn bàn -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Yêu cầu học sinh đó tự giác nhặt con thạch sùng đem ra hành lang bỏ vào thùng rác và trở lại lớp học.

Tình huống 27: Trong lớp có học sinh học yếu, hay nghịch, nhưng lại được lớp đề nghị giữ chức đội trưởng đội bóng -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Yêu cầu học sinh đó không được đùa nghịch, và phải vươn lên trong học tập thì mới xem xét có cho làm đội trưởng hay không.

Tình huống 28: Học sinh X là em tháo vát, nhưng hay nợ tiền, được đề nghị giữ quỹ cho lớp -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Trao đổi với ban cán sự lớp về trường hợp này rồi đi đến quyết định có cử X giữ quỹ lớp hay không.

Tình huống 29: Sắp hết giờ, học sinh thắc mắc, giáo viên giải quyết chưa thoả đáng -> làm thế nào?

=> Cách giải quyết: Gọi học sinh học giỏi nhất lớp trả lời thắc mắc, sau đó nhận xét câu trả lời trước lớp và hỏi lại em thắc mắc xem đã hiểu chưa.

Tình huống 30: Học sinh bị rách quần -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Đến cạnh em học sinh đó và nói nhỏ: “Em hãy về thay trang phục đi, thầy cho phép em đến muộn một chút cũng được”.

Tình huống 31: Trong giờ học, lớp trưởng quay xuống hỏi bạn -> làm thế nào? Cách giải quyết: Hết giờ nhắc riêng em đó: “Trong lớp em cũng nói chuyện riêng liệu có bảo được các bạn không”.

Tình huống 32: Trong giờ học, 1 học sinh đứng dậy: “Thầy dạy nhanh quá” -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Bài học hôm nay hơi dài, thầy sẽ cố gắng nói chậm hơn, nhưng các em cũng cần tập trung nghe nhé.

Tình huống 33: Do sơ xuất, vào lớp quên không cài khoá quần -> làm thế nào? Cách giải quyết: Xin lỗi, các em đợi thầy một lát -> ra ngoài sửa lại quần áo và vào dạy bình thường.

Tình huống 34: Khi kiểm tra bài cũ, phát hiện 1 học sinh quên không cài khoá quần -> làm thế nào?

Cách giải quyết: “Em có thể về chỗ”. Sau giờ học nhắc học sinh này ở lại để gặp: “Em có biết vì sao thầy cho em về chỗ không?”...

Tình huống 35: Trong giờ học, phát hiện học sinh đang làm bài tập của môn học khác -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Nghiêm túc nhắc nhở học sinh: “Giờ nào việc nấy”. Chúng ta phải biết sắp xếp thời gian một cách khoa học thì việc học tập mới đạt kết quả, sắp thi học kỳ rồi đấy.

Tình huống 36: Năm học mới đã bắt đầu được 1 tháng nhưng vẫn có 3 học sinh lớp chủ nhiệm không mặc đồng phục -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Cuối giờ học nhắc cả lớp: “Kể từ ngày mai, các em phải mặc đồng phục khi đi học, em nào có lý do đặc biệt thì gặp thầy”.

Tình huống 37: Gọi học sinh lên bảng làm bài tập, học sinh loay hoay, quay xuống dưới cầu cứu -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Đặt một số câu hỏi gợi ý cho học sinh tìm ra cách giải.

Tình huống 38: Giờ kiểm tra diễn ra được 5 phút thì phát hiện 1 học sinh dùng tài liệu -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Thu tài liệu và nói: “Thầy phê bình em, nếu em còn tái phạm thầy sẽ buộc phải đánh dấu bài làm của em”.

Tình huống 39: Trống vào lớp, 1 học sinh nghịch chốt cửa, giáo viên phải gõ cửa mới cho vào -> làm thế nào?

Cách giải quyết: Chắc là em nào đóng cửa để thầy vào lớp sẽ không còn thời gian kiểm tra bài cũ nữa chứ gì, nếu hôm qua đi dã ngoại thì cứ nói, thầy sẽ không kiểm tra. Em nào đóng cửa không cho thầy vào là hành động vô lễ đấy.

Tình huống 40: Trong giờ học, có 1 học sinh gục khóc trong lớp -> làm thế nào? Cách giải quyết: Hết giờ học, nhắc em học sinh đó ở lại, hỏi xem có chuyện gì xảy ra rồi tìm cách khuyên bảo.

3. Thực hành, thảo luận

3.1. Tình huống giao tiếp sư phạm

3.2. Cách giải quyết các tình huống giao tiếp sư phạm.

KẾT LUẬN

Tầm quan trọng và sự cần thiết hình thành năng lực giao tiếp sư phạm cho những nhà giáo tương lai cho thấy phải có một hệ thống biện pháp tác động nhằm nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên sư phạm. Các biện pháp có thể bao gồm:

- 1) Giáo dục, nâng cao nhu cầu giao tiếp, mở rộng phạm vi giao tiếp, kích thích lòng mong muốn trao đổi tri thức, kinh nghiệm và chia sẻ cảm xúc với người khác;
- 2) Tăng cường trang bị và củng cố cho sinh viên hệ thống tri thức về tâm lí học nói chung và tâm lí học giao tiếp nói riêng;
- 3) Trang bị cho sinh viên hệ thống cách thức tự đánh giá nội dung, nhu cầu và kĩ năng giao tiếp của bản thân;
- 4) Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực, có khả năng phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện giao tiếp.

Để những biện pháp này phát huy hiệu quả, yêu cầu đặt ra là, cần xác định các đặc điểm về nội dung, nhu cầu, kĩ năng giao tiếp của sinh viên ngay từ khi họ bước chân vào trường sư phạm. Trên cơ sở đó có những biện pháp tác động, điều chỉnh kịp thời, có những cách thức rèn luyện phù hợp. Hằng năm cần khảo sát, kiểm tra, đánh giá mức độ phát triển năng lực giao tiếp sư phạm và những lệch lạc, thiếu hụt của sinh viên bộc lộ trong giao tiếp. Trên cơ sở đó có biện pháp hướng dẫn, bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao năng lực giao tiếp sư phạm cho sinh viên. Yêu cầu thứ hai là, mỗi giảng viên cần chú ý sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tăng cường vai trò của sinh viên trong quá trình học tập, coi trọng đúng mức các buổi thảo luận, xêmina do sinh viên tự điều khiển; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa giảng viên và sinh viên, tạo bầu không khí dân chủ, lành mạnh trong các hoạt động sư phạm. Các giảng viên tâm lí học và giáo dục học cần cố gắng tìm tòi, nghiên cứu, cấu trúc lại chương trình môn Tâm lí học và Giáo dục học nhằm tăng thời lượng thực hành cho sinh viên, giúp họ được rèn luyện năng lực giao tiếp nhiều hơn. Một yêu cầu khác là, cần tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói chung, kĩ năng giao tiếp sư phạm nói riêng cho sinh viên một cách thường xuyên, liên tục, dưới nhiều hình thức khác nhau. Tránh hiện tượng hình thức, chỉ rộ lên trong thời gian ngắn khi

diễn ra Hội thi nghiệp vụ sư phạm. Đồng thời, phải thường xuyên tổ chức các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm giữa sinh viên cùng lớp; giữa sinh viên các phòng, các khoa; tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các liên hoan âm nhạc - thể dục - nghiệp vụ sư phạm liên trường một cách chu đáo, tích cực và có hiệu quả. Cần tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường thực tế, dự giờ, liếp xúc với học sinh và giáo viên phổ thông để họ có nhiều cơ hội duan sát, trải nghiệm, làm quen dần với hoạt động giao tiếp ở nhà trường phổ thông; giúp sinh viên tăng cường rèn luyện những kỹ năng giao tiếp trong thực tiễn giáo dục phổ thông. Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cần phối hợp tổ chức các hoạt động chung nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều cơ hội giao tiếp, mở rộng quan hệ giao tiếp, thoải mái, tích cực giao tiếp như: tổ chức các câu lạc bộ Văn học, câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ bạn yêu nhạc, dạ hội, các hội diễn văn nghệ, đêm thơ, đêm nhạc, hội thi thể dục thể thao...; tổ chức cho sinh viên giao lưu với các cơ quan, đoàn thể, các trường cùng đóng trên địa bàn; thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, với các giảng viên. Khi tổ chức các hoạt động giao tiếp và rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên, phải chú ý đến những sắc thái riêng về đặc điểm giao tiếp của giới tính, khoa học và chuyên ngành đào tạo.